

THỰC TRẠNG NHẬN THỨC VỀ KỸ NĂNG RA QUYẾT ĐỊNH CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

Lê Thị Thu Hà

Đại học Hồng Đức.

TÓM TẮT

Bài viết này phản ánh thực trạng kỹ năng ra quyết định của sinh viên. Đây là một kỹ năng cốt lõi trong hệ thống các kỹ năng sống của cá nhân. Thực trạng này được chúng tôi phản ánh qua các tiêu chí như: nhận thức của sinh viên về kỹ năng ra quyết định; những vấn đề trong cuộc sống sinh viên thấy khó ra quyết định; cách giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống và phương pháp ra quyết định để giải quyết chúng. Kết quả thu được cho thấy, trình độ kỹ năng ra quyết định của sinh viên không cao. Không có sự khác biệt nhiều lắm giữa sinh viên các vùng miền, sinh viên năm đầu và năm cuối. Ý kiến đánh giá của các khách thể điều tra (sinh viên, cán bộ quản lý và giảng viên) cơ bản thống nhất với nhau.

Từ khóa: Kỹ năng ra quyết định; nhận thức; phương pháp ra quyết định.

Ngày nhận bài: 17/5/2012; **Ngày duyệt đăng bài:** 25/6/2012

1. Đặt vấn đề

Trong các kỹ năng sống của cá nhân thì kỹ năng ra quyết định là một trong những kỹ năng cốt lõi. Thực tế hiện nay, kỹ năng sống của thanh, thiếu niên nói chung, của sinh viên nói riêng còn nhiều vấn đề đáng lo ngại. Chúng ta có thể bắt gặp trên các phương tiện thông tin đại chúng rất nhiều trường hợp do thiếu kỹ năng sống mà phải trả giá bằng chính cuộc đời của mình. Riêng về kỹ năng ra quyết định, nhiều sinh viên do chưa có kỹ năng này nên đã gây ra nhiều chuyện phiền toái không chỉ cho bản thân mà cả cho gia đình và xã hội. Chính vì vậy, việc đánh giá đúng thực trạng nhận thức về kỹ năng ra quyết định của sinh viên để tìm ra các giải pháp giáo dục hữu hiệu là một vấn đề cấp thiết, có ý nghĩa to lớn trong thực tiễn đào tạo ở các trường đại học hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu vấn đề này, chúng tôi đã sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi là chủ yếu, kết hợp với các phương pháp trò chuyện, quan sát, trắc nghiệm tình huống.

Mẫu khảo sát để đánh giá thực trạng là các giảng viên và sinh viên của 6 trường đại học, cụ thể như sau:

- Sinh viên (chỉ chọn năm đầu và năm cuối), gồm: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (138 sinh viên), Trường Đại học Xây dựng (119 sinh viên), Trường Đại học Ngoại thương (120 sinh viên), Trường Đại học Vinh (102 sinh viên), Trường Đại học Hồng Đức (114 sinh viên), Trường Đại học Huế (104 sinh viên) Tổng số khách thể sinh viên là 697.

- Giảng viên và cán bộ quản lý 120 người, mỗi trường 20 người.

3. Thực trạng nhận thức về kỹ năng ra quyết định của sinh viên

3.1. Quan niệm của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về kỹ năng ra quyết định

Việc hiểu biết đúng đắn khái niệm kỹ năng ra quyết định của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên có ý nghĩa to lớn trong công tác giáo dục. Trong câu hỏi của phiếu điều tra về vấn đề này, chúng tôi đã đưa ra 5 phương án trả lời cho cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên lựa chọn, trong đó chỉ có một phương án đúng nhất nhằm đánh giá xem họ có hiểu đúng bản chất của kỹ năng ra quyết định hay không? Kết quả thu được thể hiện ở bảng 1 dưới đây.

Bảng 1: Cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên hiểu về kỹ năng ra quyết định

TT	Các phương án trả lời	Cán bộ quản lý, giảng viên		Sinh viên	
		SL	%	SL	%
1	Khả năng tìm ra cách giải quyết tình huống hay vấn đề gặp phải trong đời sống hàng ngày	13	10,83	72	10,33
2	Khả năng của con người lựa chọn được phương án có lợi nhất cho bản thân khi gặp tình huống hoặc vấn đề cần giải quyết	9	7,50	99	14,20
3	Khả năng của con người lựa chọn phương án tối ưu để giải quyết tình huống hoặc vấn đề một cách có hiệu quả nhất	60	50,00	264	37,88
4	Khả năng của con người lựa chọn phương án phù hợp với hoàn cảnh xảy ra tình huống hoặc vấn đề cần giải quyết	9	7,50	163	23,39

5	Khả năng của con người lựa chọn phương án tối ưu để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống	28	23,34	81	11,62
6	Không trả lời	1	0,83	18	2,58
Tổng số		120	100.00	697	100,00

Trong 5 phương án trả lời thì phương án số 3 là phù hợp nhất. Qua kết quả thu được ở bảng trên cho thấy, chỉ có 50% cán bộ quản lý, giảng viên và 37,88% sinh viên đã lựa chọn phương án đúng là phương án số 3. Điều này chứng tỏ số đông sinh viên hiểu về khái niệm kỹ năng ra quyết định chưa đúng (trên 60%). Ngay cả cán bộ quản lý và giảng viên, vẫn còn một nửa nhận thức chưa đúng.

Trò chuyện với sinh viên chúng tôi được biết, họ chỉ nhận thức về kỹ năng ra quyết định chủ yếu theo kinh nghiệm sống của bản thân, qua một số sách vở và phương tiện thông tin đại chúng, nên ngay cả những người trả lời đúng cũng không biết mình đúng hay sai.

3.2. Nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về ý nghĩa của kỹ năng ra quyết định đối với cuộc sống cá nhân

Việc nhận thức ý nghĩa của kỹ năng ra quyết định đối với cá nhân cũng là yếu tố chi phối quá trình giáo dục và hình thành chúng cho sinh viên. Kết quả điều tra về vấn đề này được thể hiện cụ thể ở bảng 2 dưới đây:

Bảng 2: Nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về ý nghĩa của kỹ năng ra quyết định đối với cá nhân

STT	Các ý nghĩa đối với cá nhân	Cán bộ quản lý, giảng viên		Sinh viên	
		SL	%	SL	%
1	Giúp cá nhân thành công trong cuộc sống	65	54,17	372	53,37
2	Tự lập và làm chủ cuộc sống	83	69,17	480	68,87
3	Luôn tự tin	44	36,67	288	41,32
4	Giải quyết công việc đạt hiệu quả	77	64,17	448	64,28
5	Giải quyết tốt các tình huống trong cuộc sống	53	44,17	319	45,77

6	Giúp cá nhân sống lành mạnh, có văn hóa	17	14,17	182	26,11
7	Giúp cá nhân giao tiếp, ứng xử tốt trong cuộc sống	42	35,00	289	41,46
8	Tránh được rủi ro	28	23,33	150	21,52
9	Không sa vào các tệ nạn xã hội	22	18,33	185	26,54

Kết quả ở bảng 2 cho thấy, nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về ý nghĩa của kỹ năng ra quyết định là giúp cho cá nhân: Tự lập và làm chủ cuộc sống; giải quyết công việc đạt hiệu quả; giúp cá nhân thành công trong cuộc sống; giải quyết tốt các tình huống trong cuộc sống; luôn tự tin... Những ý nghĩa nêu ra được các đối tượng đánh giá với tỉ lệ tương đối cao là: tự lập và làm chủ cuộc sống, trên 68%; giải quyết công việc đạt hiệu quả trên 64%. Một số ý nghĩa nêu ra các khách thể đánh giá với tỉ lệ không cao như: giúp cá nhân sống lành mạnh, có văn hóa, không sa vào các tệ nạn xã hội. Nhìn chung, nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về ý nghĩa của kỹ năng ra quyết định là đúng đắn, đều thấy vai trò to lớn của kỹ năng ra quyết định đối với cuộc sống cá nhân. Không có cá nhân nào trong các khách thể điều tra không nhận thức được ý nghĩa của kỹ năng ra quyết định đối với mỗi con người. Tuy nhiên, cũng có những sự khác biệt giữa cán bộ quản lý, giảng viên với sinh viên. Cán bộ quản lý và giảng viên chỉ chú trọng vào một số ý nghĩa như giúp cá nhân sống tự lập, giải quyết công việc, còn sinh viên lại thấy ý nghĩa đối với nhiều mặt. Ví dụ, đối với phòng tránh tệ nạn xã hội, cán bộ quản lý, giảng viên chỉ có 18,33%, trong khi đó, sinh viên là 26,54%. Giúp cá nhân sống lành mạnh, có văn hóa, cán bộ quản lý và giảng viên có 14,17%, trong khi đó, tỉ lệ này ở sinh viên là 26,11%. Điều này cũng nói lên một thực trạng là sinh viên đang rất cần có các kỹ năng sống nói chung và kỹ năng ra quyết định nói riêng. Cán bộ quản lý và giảng viên chưa đánh giá hết vai trò của kỹ năng ra quyết định đối với mọi mặt của đời sống sinh viên.

4. Đánh giá của sinh viên về một số yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng ra quyết định

Để đánh giá vấn đề này, chúng tôi căn cứ vào 3 tiêu chí. Thứ nhất là những vấn đề trong cuộc sống sinh viên cảm thấy khó ra quyết định. Thứ hai là quyết định lựa chọn cách giải quyết những vấn đề này sinh viên trong cuộc sống. Thứ ba là phương pháp ra quyết định của sinh viên. Bước đầu, chúng tôi chỉ đánh giá tỉ lệ % theo đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên theo các tiêu chí trên để có một bức tranh khái quát trước khi đi vào nghiên cứu cụ thể thực trạng trình độ kỹ năng ra quyết định của sinh viên.

4.1. Đánh giá của sinh viên thấy khó khăn khi ra quyết định

Bảng 3: Những khó khăn của sinh viên khi ra quyết định

STT	Các vấn đề	Cán bộ quản lý, giảng viên		Sinh viên	
		SL	%	SL	%
1	Trong học tập	44	36,67	113	16,21
2	Trong ứng xử	69	57,50	369	52,94
3	Trong quan hệ tình cảm khác giới, quan hệ tình dục	60	50,00	297	42,61
4	Trong việc phòng tránh các tệ nạn xã hội	41	34,17	64	9,18
5	Trong ứng phó với stress	48	40,00	204	29,27
6	Trong việc quản lý thời gian	61	50,83	213	30,56
7	Trong việc xác định mục tiêu phù hợp	47	39,17	233	33,43
8	Trong việc xác định giá trị	14	11,67	121	17,36
9	Trong hoạt động nghề nghiệp sau này	40	33,33	189	27,12

Nhìn vào các số liệu thu được ở bảng trên cho thấy, có nhiều vấn đề trong cuộc sống sinh viên cảm thấy khó khăn khi ra quyết định như: Trong ứng xử, trong tình cảm khác giới/trong quan hệ giới tính, trong quản lý thời gian, trong xác định mục tiêu phù hợp, trong học tập... Đây là những vấn đề trong cuộc sống thường ngày sinh viên thường phải va chạm. Trong các vấn đề trên thì các vấn đề trong quan hệ, ứng xử, trong quan hệ với bạn khác giới, trong quản lý thời gian là sinh viên thấy khó quyết định nhất (từ 30 - 50%).

Chúng tôi cho rằng, đa số sinh viên các trường đại học đều từ quê lên thành phố học, họ còn rất bỡ ngỡ với đời sống thị thành đông đúc, chật chội và đầy biến động. Cuộc sống sinh hoạt thay đổi, môi trường học tập cũng thay đổi, để thích ứng được đòi hỏi sinh viên phải có thời gian và nghị lực rèn luyện. Trò chuyện với sinh viên các trường đại học, nhiều sinh viên cho rằng, các em thường "choáng ngợp" khi bước chân vào trường đại học, các em chưa biết cách ứng xử nên thường làm cho mọi người xung quanh không vừa lòng. Năm đầu tiên, sinh viên thường khó khăn trong việc thích ứng với vấn đề học tập cũng như quản lý thời gian. Thực tế, không ít sinh viên ngoài giờ học trên lớp, về nơi ở là ngủ trên miến hoặc chơi điện tử vô độ hay yêu đương bừa bãi, phóng túng, dẫn đến học hành sút... Một bộ phận sinh viên lại khó khăn trong các vấn đề như trong ứng phó với stress, trong việc phòng tránh các tệ nạn xã hội, trong

hoạt động rèn luyện nghề nghiệp sau này... Trong cuộc sống của sinh viên thường gặp nhiều stress do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, điều kiện và phương pháp học tập chưa phù hợp, chưa biết cách quan hệ với mọi người xung quanh... Cá biệt, có một số sinh viên không biết giải thoát stress cho bản thân để đến mức phải ngã bệnh (căng thẳng, lo âu vô cớ, mất ngủ...).

Đa số lĩnh vực, ý kiến của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên tương đối thống nhất với nhau (thể hiện qua giá trị tương quan thứ bậc Spearman). Một số lĩnh vực, ý kiến của sinh viên và của cán bộ quản lý, giảng viên khác biệt nhau tương đối lớn là: học tập; phòng tránh các tệ nạn xã hội và ứng phó với stress.

4.2. Quyết định của sinh viên lựa chọn cách giải quyết các vấn đề trong cuộc sống

a. Đánh giá của cán bộ quản lý và giảng viên

Bảng 4: Ý kiến cán bộ quản lý, giáo viên về cách giải quyết các vấn đề trong cuộc sống của sinh viên

STT	Cách giải quyết	Các mức độ đánh giá (%)					
		Thường xuyên	Khá thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ	Không trả lời
1	Mặc kệ để cho vấn đề muốn đến đâu thì đến	14,17	24,17	35,00	15,83	7,50	3,33
2	Chỉ giải quyết khi không thể không giải quyết vấn đề đó	14,17	27,50	24,17	25,83	4,17	4,17
3	Tiền đoán trước vấn đề có thể xảy ra để phòng tránh	5,83	30,83	33,33	23,33	2,50	4,17
4	Chuẩn bị sẵn phương án ứng phó khi vấn đề có thể xảy ra	15,00	28,33	31,67	19,17	1,67	4,17

Kết quả thu được từ bảng 4 cho thấy, có trên 38% cán bộ quản lý và giảng viên nghĩ rằng, khi gặp vấn đề trong cuộc sống cần giải quyết, sinh viên để mặc cho vấn đề muốn đến đâu thì đến (24,17% ở mức khá thường xuyên và 14,17% ở mức thường xuyên). Chỉ có 7,50% ý kiến cho rằng khi gặp vấn đề trong cuộc sống cần giải quyết, sinh viên không bao giờ để mặc kệ vấn đề, để nó đến đâu thì đến.

Ngược lại, cũng có một tỉ lệ khá cao (trên 40%) cán bộ quản lý và giảng viên cho rằng, khi gặp các vấn đề trong cuộc sống sinh viên “Chuẩn bị sẵn phương án ứng phó với các vấn đề có thể xảy ra” (15,00% ở mức thường xuyên và 28,33% ở mức khá thường xuyên).

và 28,33% ở mức khá thường xuyên)...

Điều này cho thấy, cán bộ quản lý, giảng viên đánh giá về thực trạng kỹ năng ra quyết định của sinh viên khi giải quyết các vấn đề trong thực tiễn chưa có sự thống nhất. Qua trò chuyện, một bộ phận cán bộ quản lý và giảng viên thường đánh giá không cao các kỹ năng sống của sinh viên trong đó có kỹ năng ra quyết định. Họ nghĩ rằng, sinh viên còn bồng bột, nóng nảy, nhiều khi hành động thiếu suy nghĩ... Thậm chí, có ý kiến đánh giá một số sinh viên tỏ ra sống buông thả, mặc kệ cuộc đời muốn trôi về đâu thì về, không có định hướng phấn đấu rõ ràng (không có lý tưởng)... Ngược lại, một số cán bộ quản lý và giảng viên lại cho rằng, sinh viên bây giờ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, họ luôn có những quyết định bất ngờ và sáng suốt, có ý chí phấn đấu trong học tập và mọi hoạt động để lập thân, lập nghiệp...

Chúng tôi cho rằng, các ý kiến nói trên của cán bộ quản lý và giảng viên còn mang tính chất cảm tính, chưa phản ánh đúng bản chất thực trạng vấn đề. Vì vậy, những số liệu này chúng tôi thu được chỉ có tính chất tham khảo. Về vấn đề này, chúng tôi chủ yếu căn cứ vào ý kiến trả lời của chính bản thân sinh viên.

b. Tự đánh giá của sinh viên

Bảng 5: Sinh viên đánh giá cách giải quyết của họ về các vấn đề trong cuộc sống

STT	Cách giải quyết	Các mức độ đánh giá (%)					
		Thường xuyên	Khá thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ	Không trả lời
1	Mặc kệ để cho vấn đề muốn đến đâu thì đến	3.59	5.02	36.87	31.99	21.23	1.29
2	Chỉ giải quyết khi không thể không giải quyết vấn đề đó	5.02	11.33	32.28	35.72	12.77	2.87
3	Tiền đoán trước vấn đề có thể xảy ra để phòng tránh	16.36	38.02	31.13	10.62	1.43	2.44
4	Chuẩn bị sẵn phương án ứng phó khi vấn đề có thể xảy ra	26.11	40.03	22.81	7.75	1.58	1.72

Kết quả ở bảng 5 cho thấy, trên 66% sinh viên thường chuẩn bị các phương án có thể để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống (mức thường xuyên là 26,11%, khá thường xuyên là 40,03%). Chỉ có một tỉ lệ nhỏ sinh viên để mặc kệ tình huống, muốn đến đâu thì đến, đón nhận tình huống một cách thụ động

(hơn 8%). Như vậy, theo ý kiến của sinh viên thì đa số đều có ý thức trong việc giải quyết các vấn đề cuộc sống đặt ra, họ luôn chuẩn bị các phương án ứng phó một cách chủ động. Điều này còn được thể hiện ở tỉ lệ trên 50% sinh viên thỉnh thoảng và không bao giờ để mặc kệ tình huống, muốn đến đâu thì đến.

Nhìn chung, cách giải quyết các tình huống của đa số sinh viên là tương đối tích cực, chỉ còn một bộ phận không nhiều sinh viên mặc kệ cho vấn đề muốn đến đâu thì đến hoặc chỉ giải quyết nó khi không thể không giải quyết. Nguyên nhân là do số sinh viên này còn tự do theo ý thích bản thân, sống thiếu tính kế hoạch, thiếu kinh nghiệm. Trò chuyện với số sinh viên này và quan sát cuộc sống thực tiễn của họ cho thấy, những sinh viên này thường thiếu nghị lực, hay đổ cho số phận...

4.3. Phương pháp ra quyết định của sinh viên

a. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên về phương pháp ra quyết định của sinh viên

Bảng 6: Ý kiến cán bộ quản lý và giảng viên về phương pháp ra quyết định của sinh viên

STT	Cách giải quyết	Các mức độ đánh giá (%)					
		Thường xuyên	Khá thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ	Không trả lời
1	Dựa vào kinh nghiệm của bản thân	33,33	55,83	5,00	0,83	0,83	4,17
2	Quyết định theo trực giác/linh cảm	16,67	26,67	30,83	18,33	1,67	5,83
3	Quyết định theo ý muốn của bản thân	21,67	55,83	7,50	5,83	2,50	6,67
4	Quyết định theo lời khuyên của người khác	3,33	27,50	60,83	2,50	0,83	5,00
5	Cân nhắc tìm cách giải quyết tối nhất	23,33	39,17	28,33	5,83	0	3,33
6	Phân tích vấn đề/tình huống, lựa chọn phương án giải quyết phù hợp nhất	27,50	40,83	20,00	5,83	0,83	5,00
7	Lựa chọn phương án mà người thân trong gia đình yêu cầu	4,17	36,67	37,50	11,67	4,17	5,83
8	Không cân nhắc, quyết định theo ý thích của bản thân	15,83	20,83	31,67	17,50	9,17	5,00

Gần 90% ý kiến của cán bộ quản lý, giảng viên (xem bảng 6) cho rằng: sinh viên chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của bản thân để ra quyết định (55,83% mức khá thường xuyên và 33,33% mức thường xuyên). Có gần 80% ý kiến giảng viên cho rằng, sinh viên đánh giá sinh viên ra quyết định theo ý muốn bản thân (21,67% thường xuyên và 55,83% khá thường xuyên). Hai phương pháp ra quyết định (nghe theo lời khuyên của người khác; lựa chọn phương án theo người thân yêu cầu), cán bộ quản lý và giảng viên cho rằng, sinh viên ít sử dụng. Chỉ có 3 - 4% cán bộ quản lý và giảng viên nghĩ rằng, sinh viên sử dụng phương pháp này ở mức độ thường xuyên. Đối với các phương pháp (cân nhắc để đưa ra cách giải quyết tốt nhất; phân tích vấn đề, lựa chọn phương án giải quyết phù hợp) cũng có nhiều cán bộ quản lý và giảng viên lựa chọn. Điều này cho thấy, ý kiến của cán bộ quản lý và giảng viên về vấn đề này thiếu sự nhất quán và thống nhất. Đây chỉ là những số liệu để chúng tôi tham khảo thêm. Đánh giá về vấn đề này, chúng tôi chủ yếu dựa vào kết quả điều tra trên sinh viên, quan sát thực tế, trò chuyện trực tiếp với sinh viên, nghiên cứu điển hình...

b. Ý kiến tự đánh giá của sinh viên

Bảng 7: Ý kiến của sinh viên về phương pháp ra quyết định của bản thân

STT	Cách giải quyết	Các mức độ đánh giá (%)					
		Thường xuyên	Khá thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ	Không trả lời
1	Dựa vào kinh nghiệm của bản thân	39,17	38,02	18,36	2,87	0,14	1,4
2	Quyết định theo trực giác/linh cảm	8,32	20,09	43,04	21,23	4,59	2,73
3	Quyết định theo ý muốn của bản thân	12,91	30,42	32,57	16,79	2,73	4,59
4	Quyết định theo lời khuyên của người khác	5,45	19,80	52,08	16,36	1,87	4,45
5	Cân nhắc tìm cách giải quyết tốt nhất	37,73	42,47	12,77	2,87	0,86	3,30
6	Phân tích vấn đề/hình hướng, lựa chọn phương án giải quyết phù hợp nhất	42,75	36,15	14,63	2,87	0,57	3,01
7	Lựa chọn phương án mà người thân trong gia đình yêu cầu	9,90	20,37	43,33	21,23	3,01	2,15
8	Không cân nhắc, quyết định theo ý thích của bản thân	2,30	3,87	22,38	38,88	29,99	2,58

Cũng vấn đề này, khi hỏi sinh viên thì thu được kết quả như sau (xem bảng 7): Hai phương pháp được sinh viên lựa chọn nhiều nhất là: Cân nhắc, tìm cách giải quyết tốt nhất với hơn 80% sinh viên lựa chọn ở mức thường xuyên và khá thường xuyên; Phân tích để lựa chọn phương án giải quyết phù hợp với gần 90% sinh viên lựa chọn ở mức thường xuyên và khá thường xuyên. Phương pháp đưa ra quyết định dựa vào kinh nghiệm của bản thân cũng được nhiều sinh viên lựa chọn (gần 80% sinh viên lựa chọn ở mức thường xuyên và khá thường xuyên). Phương pháp ra quyết định không cần cân nhắc, quyết định theo ý thích bản thân được ít sinh viên lựa chọn nhất, chỉ có khoảng 6% sinh viên lựa chọn phương pháp này ở mức thường xuyên và khá thường xuyên. Các phương pháp khác sinh viên lựa chọn ở mức bình thường.

Kết quả này cho thấy, sinh viên đã có ý thức khi ra quyết định trước một tình huống nào đó. Tuy nhiên, qua quan sát cho thấy, phần lớn sinh viên vẫn chưa biết phân tích, lựa chọn phương án giải quyết phù hợp. Nhiều sinh viên vẫn ra quyết định theo kinh nghiệm, theo ý thích của bản thân, không thường xuyên cân nhắc trước khi ra quyết định. Chính vì vậy, trong thực tế nhiều sinh viên đã ra những quyết định sai lầm đến khó tin (ví dụ, có sinh viên chỉ vì bạn trong cùng phòng trọ nghi ăn cắp mà đã quyết định tự tử...).

Kết luận

Nhận thức của sinh viên về kỹ năng ra quyết định hiện nay là chưa tốt. Điều đó được thể hiện thông qua hiểu biết về kỹ năng ra quyết định của sinh viên, qua những việc sinh viên thấy khó ra quyết định, qua cách giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống và qua phương pháp ra quyết định. Các ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên và tự đánh giá của sinh viên cơ bản có sự thống nhất với nhau.

Tài liệu tham khảo

1. Ban biên dịch G B S (biên dịch), *Kỹ năng thương lượng*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2007.
2. Nguyễn Thanh Bình, *Giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam*, Hà Nội, 2006.
3. Nguyễn Thanh Bình, *Giáo trình Giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại học Sư phạm, 2007.
4. Candler, Steve (Nguyễn Huy Minh dịch), *Cách làm chủ số phận bạn*, NXB Phụ nữ, 2007.
5. Dicne Tillman, *Những giá trị sống cho tuổi trẻ*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2009.
6. Lê Hằng, *Tổ chức cuộc sống từ A - Z*, NXB Trẻ, 2006.
7. Lê Thị Thuý Hằng, *Phát triển kỹ năng học tập và kỹ năng xã hội cho học sinh chậm phát triển trí tuệ và khiếm thính cuối tiểu học*, NXB Khoa học xã hội, 2008.
8. Đặng Phương Kiệt, *Chung sống với stress*, NXB Trẻ, 2004.